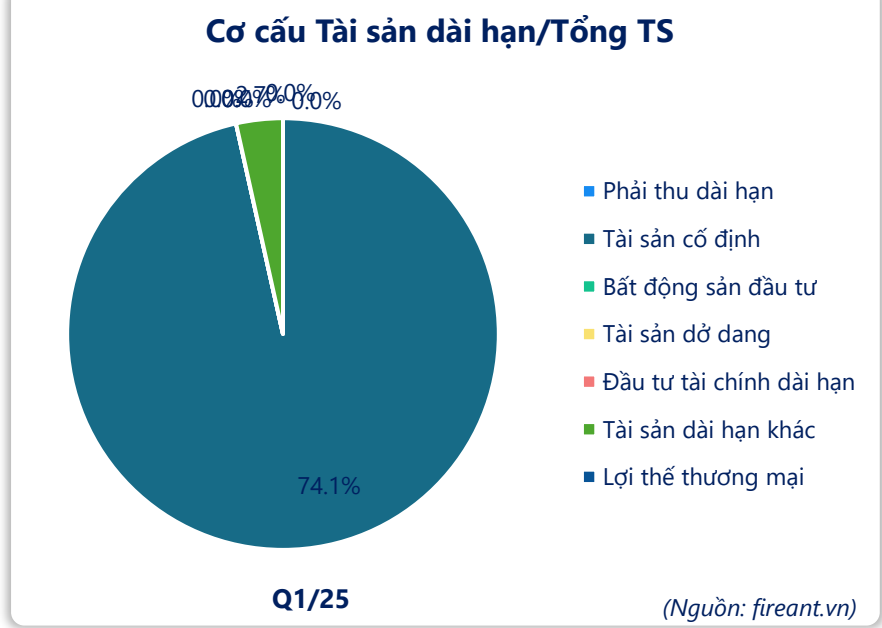
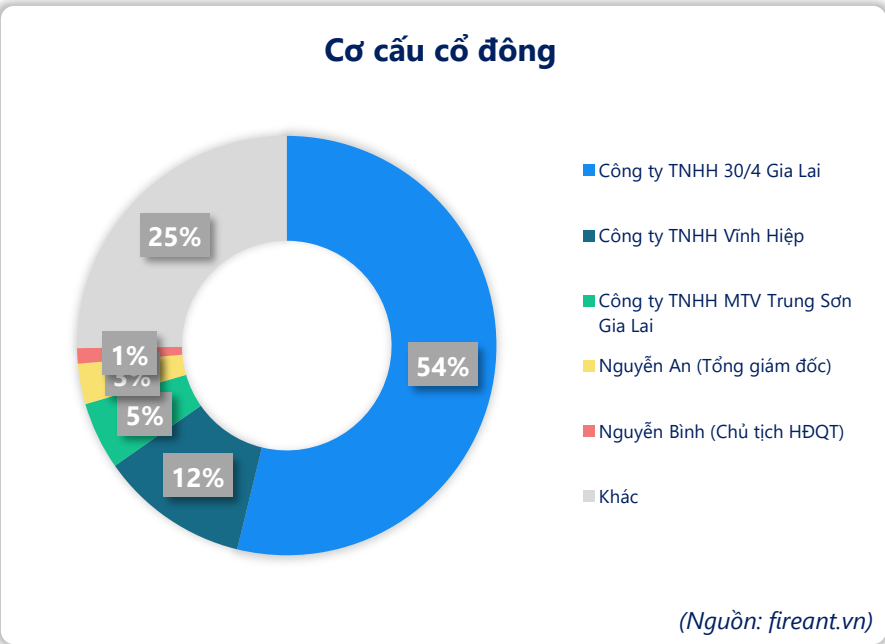
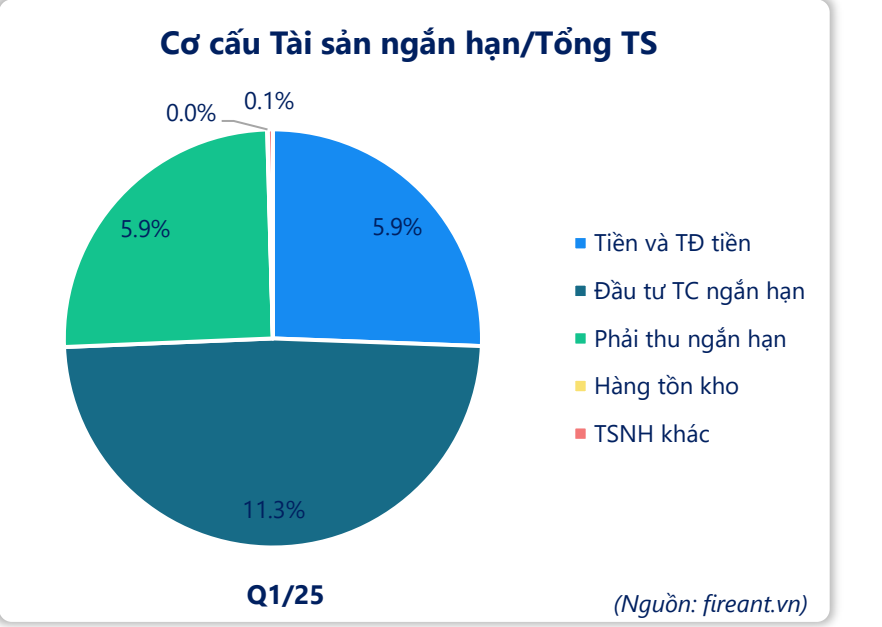
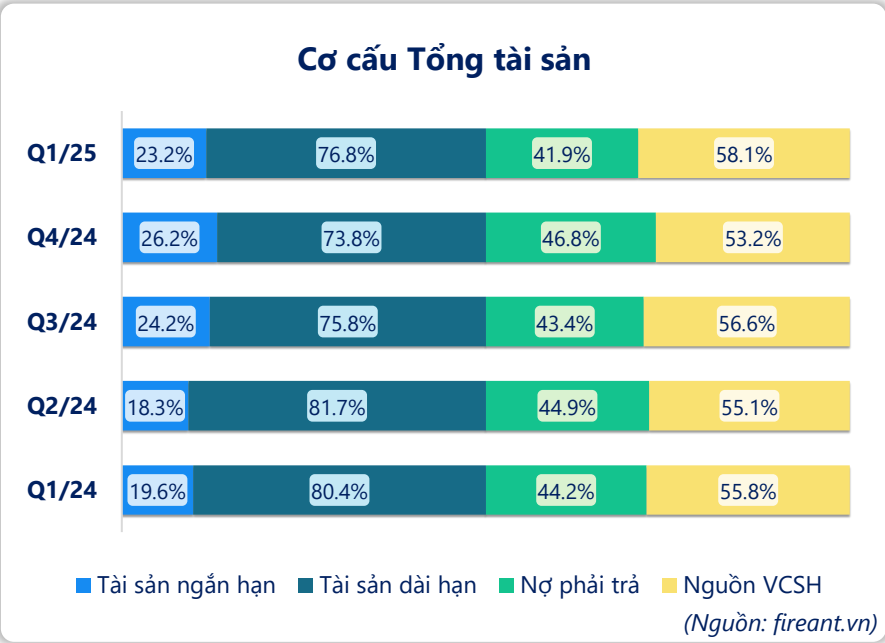
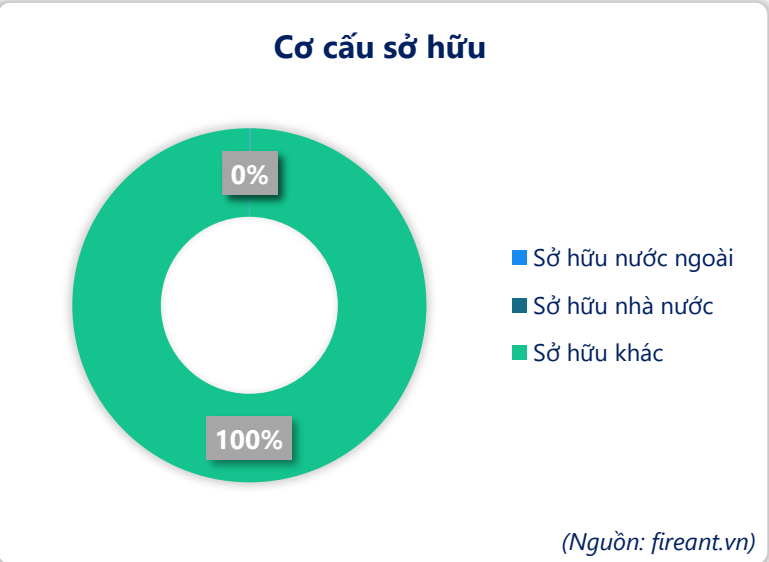
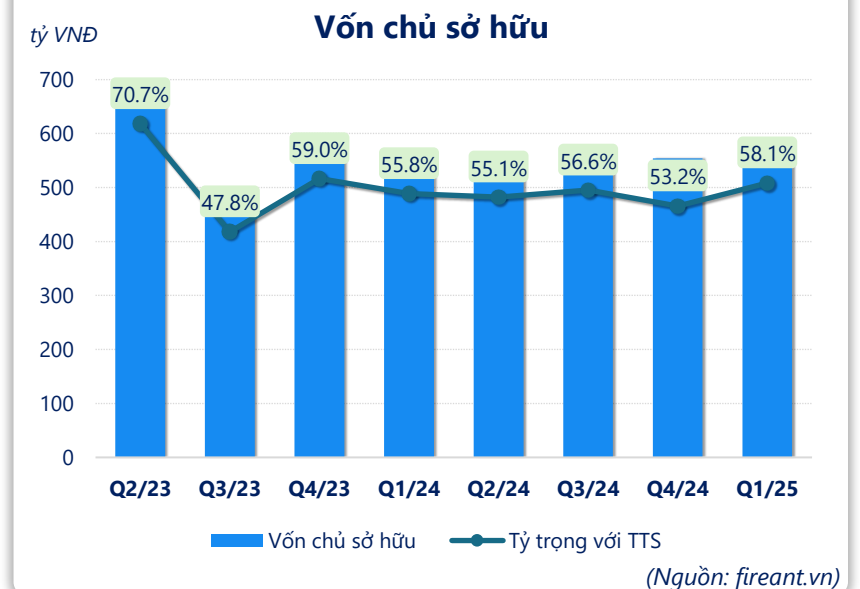
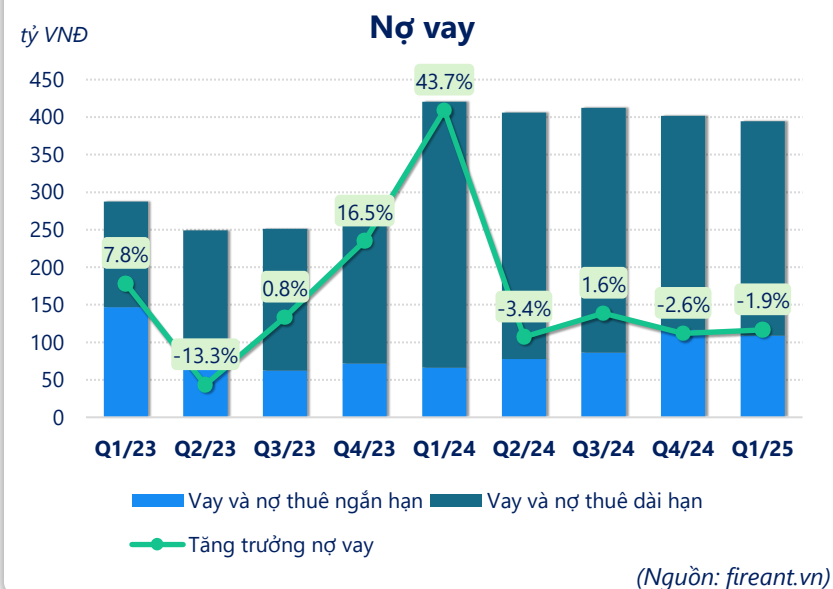
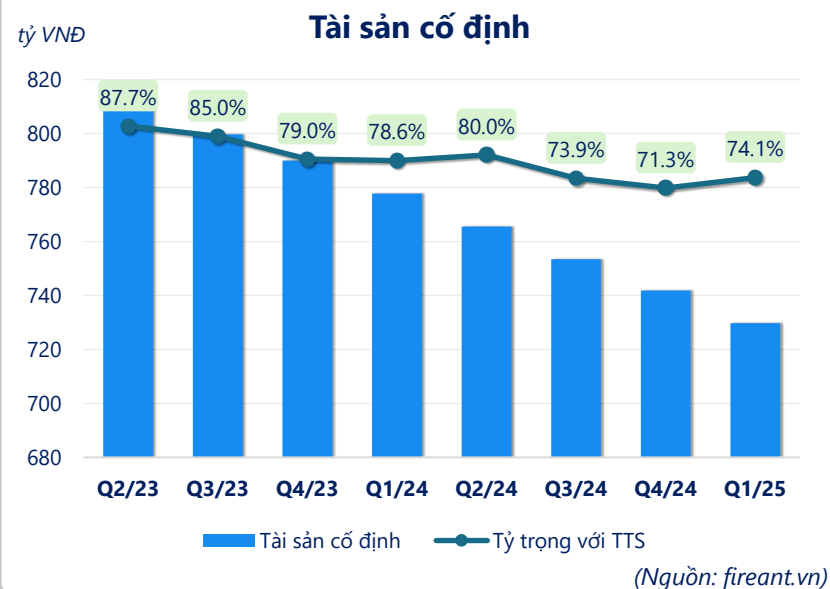
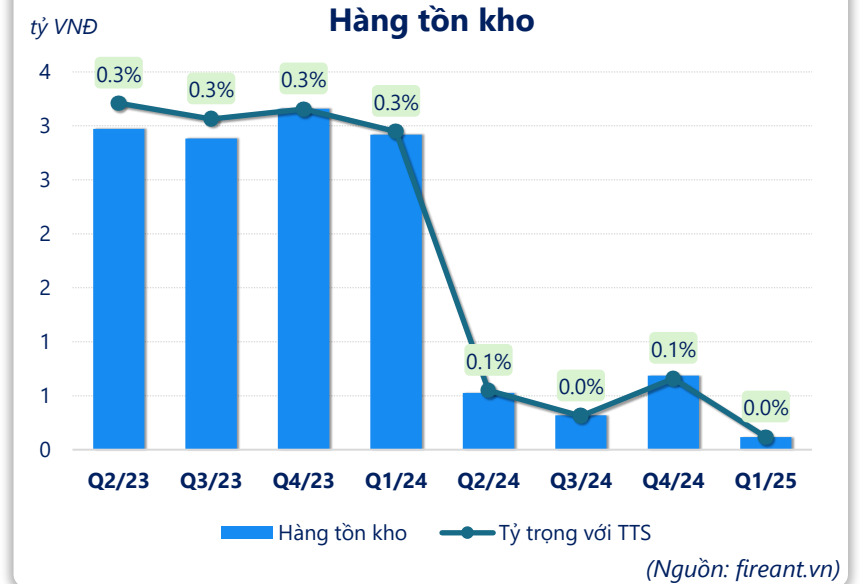
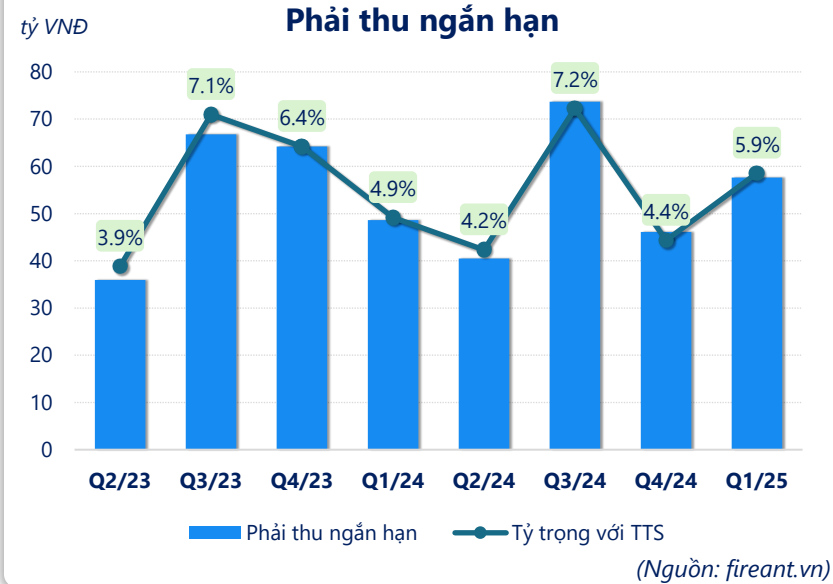
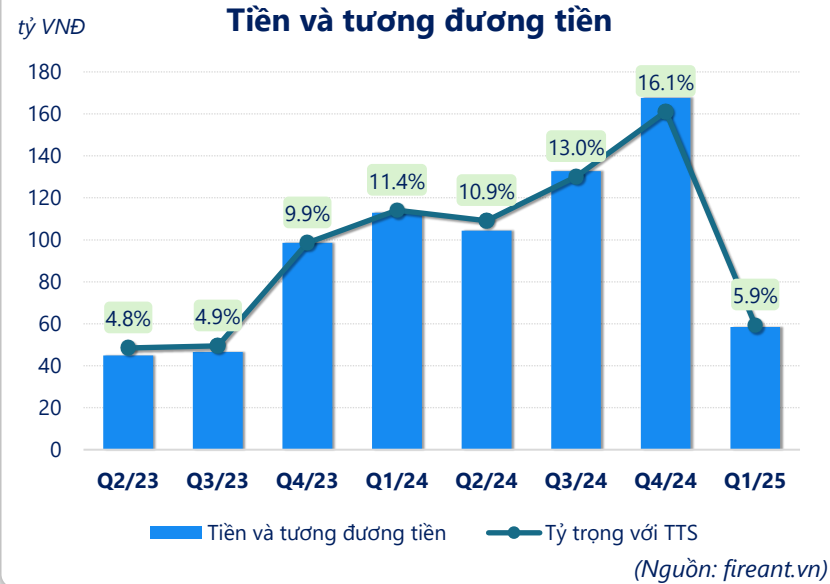
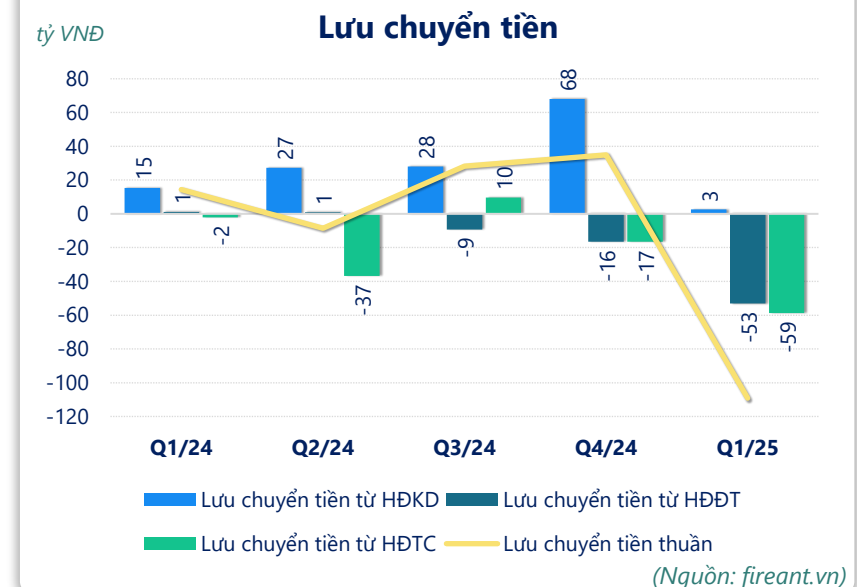
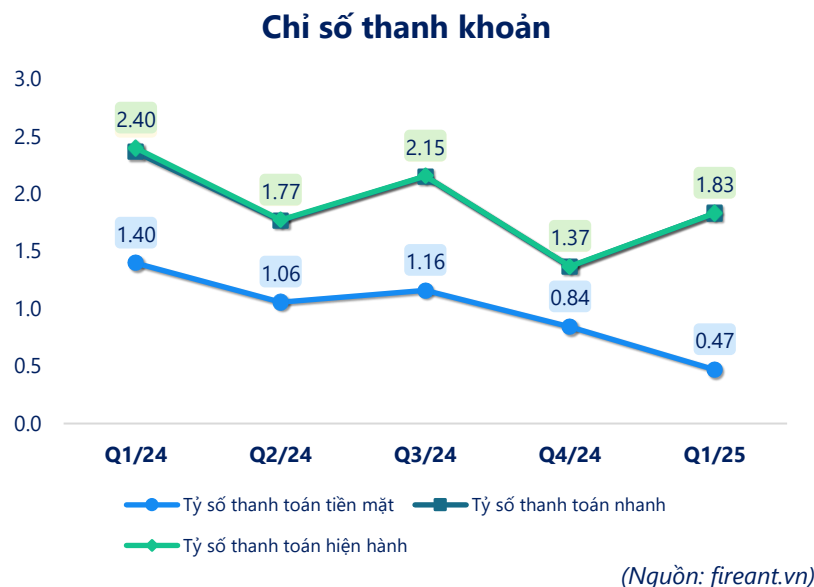
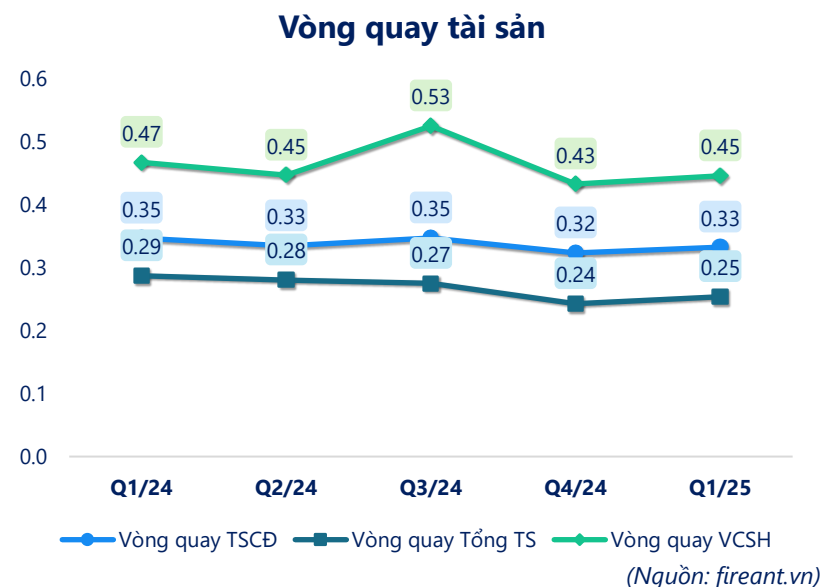
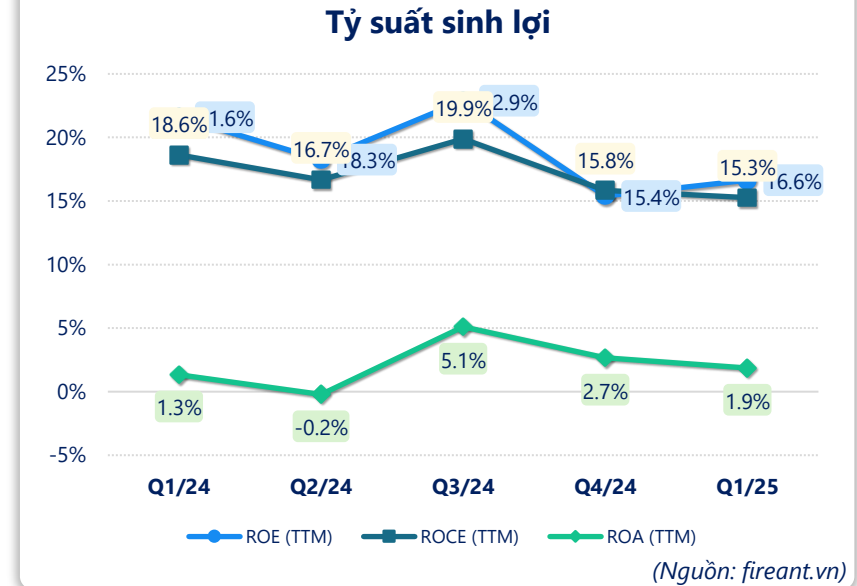
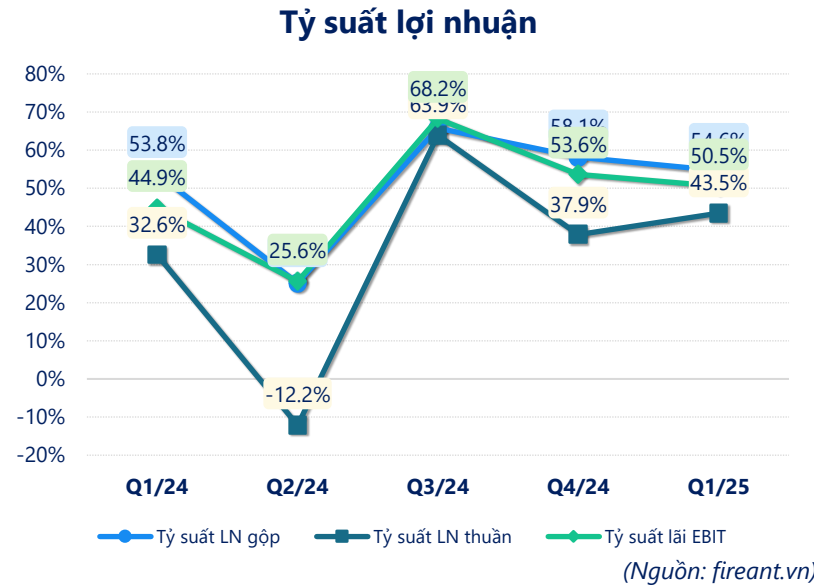
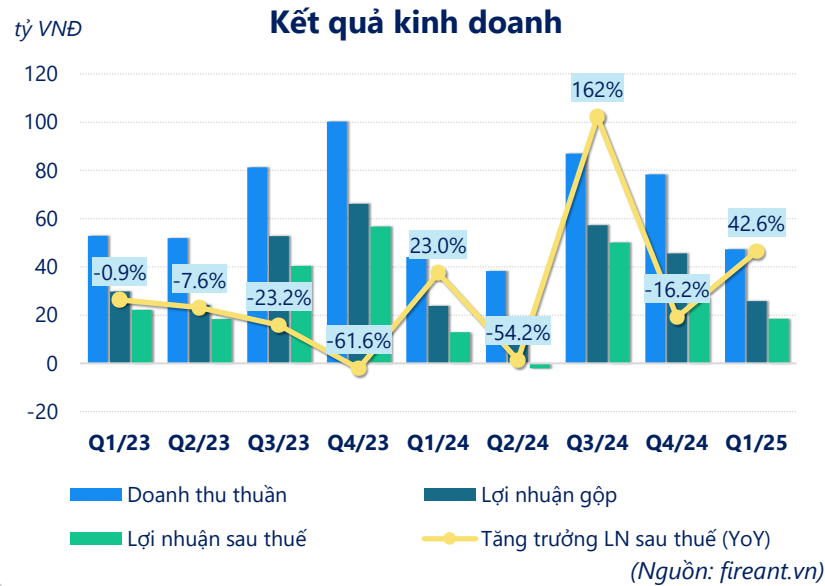


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		36,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,628
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		34,077
SL cổ phiếu LH		42,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		885
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,538
P/E		16.4
EPS		2,218

	YTD	1T	3T	6T
S4A	2.2%	-2.0%	2.5%	1.8%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	985	1,040	-5.3%
Tài sản ngắn hạn	229	273	-16.2%
Tiền và tương đương tiền	58.5	168	-65.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	111	57.5	93.9%
Phải thu ngắn hạn	57.7	46.1	25.0%
Hàng tồn kho	0.12	0.69	-83.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.89	0.88	1.3%
Tài sản dài hạn	756	768	-1.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	730	742	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	26.4	25.6	3.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	412	486	-15.2%
Nợ ngắn hạn	125	199	-37.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	109	117	-6.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.07	0.19	-61.2%
Nợ dài hạn	287	287	0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	286	285	0.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	572	554	3.3%
Vốn chủ sở hữu	572	554	3.3%
Vốn điều lệ	422	422	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	44.1	38.3	86.9	78.4	47.2
Giá vốn hàng bán	20.4	28.6	29.8	32.8	21.4
Lợi nhuận gộp	23.7	9.61	57.2	45.6	25.8
Doanh thu HĐTC	0.59	1.18	3.82	-1.09	0.67
Chi phí TC	8.32	13.7	3.76	12.7	4.16
Chi phí lãi vay	5.42	11.1	3.76	12.3	3.35
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.61	1.72	1.68	2.12	1.78
LN thuần từ HĐKD	14.4	-4.65	55.6	29.7	20.5
Lợi nhuận khác	-0.01	3.31	-0.01	0.00	-0.01
LN trước thuế	14.4	-1.34	55.6	29.7	20.5
Lợi nhuận sau thuế	12.9	-2.05	50.0	27.2	18.5
LNST của CĐ cty mẹ	12.9	-2.05	50.0	27.2	18.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.4	27.3	28.1	67.9	2.70
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.06	0.90	-9.36	-16.4	-53.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.11	-36.7	9.60	-16.6	-58.8
Tiền đầu kỳ	98.5	113	104	133	168
Lưu chuyển tiền thuần	14.3	-8.51	28.3	34.9	-109
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	113	104	133	168	58.5

(Nguồn: fireant.vn)